

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 281/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/12/2023

V/v tranh chấp “ Xin ly hôn ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Ông **Phạm Trung Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Công Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 633/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Phụng T**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành N** sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh N Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Phan Thị Phụng T trình bày:*

- Chị và anh Nguyễn Thành N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Nam thường xuyên uống rượu về mắng chửi, đánh đập và bạo hành chị, do không chịu đựng năm 2017 chị bỏ nhà đi và cắt đứt quan hệ vợ chồng, do gia đình động viên và anh N hứa không đánh và bạo hành nên năm 2022 chị về vợ chồng đoàn tụ chung sống lại được khoảng 01 năm thì anh N tiếp tục đánh đập và bạo hành chị nhiều lần đến tháng 8/2023 chị tiếp tục bỏ nhà đi và cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nay chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Nam.

- Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh năm 2001, Nguyễn Trọng H, sinh năm 2003. Hiện 02 con chung của anh chị đã thành niên và tự lao động được

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Theo tờ tự khai đề ngày 03/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:*

- Anh và chị T kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh ăn nhậu và xúc phạm vợ, trước đây anh có đánh chị T, nhưng sau này thì không có. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung như lời chị Tường khai là đúng.

- Về tài sản chung: Có 01 căn nhà vợ chồng đang ở, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

* Tại phiên tòa, chị Tường vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như trên. Anh N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về việc vắng mặt đương sự: Xét thấy anh N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị T xin ly hôn anh đến lần thứ hai,

nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật TTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh N, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chị Phan Thị Phụng T và anh Nguyễn Thành N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 1 ngày 18/9/2022. vợ chồng sống đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thường xuyên uống rượu về mắng chửi, đánh đập và bạo hành chị T do không chịu đựng được nên chị T nhiều lần bỏ nhà ra đi và cắt đứt quan hệ vợ chồng, sau đó vợ chồng hàn gắn lại thì anh N không sửa đổi lại tiếp tục đánh đập, bạo hành chị dẫn đến chị T tiếp tục bỏ nhà đi và cắt đứt quan hệ vợ chồng vào tháng 8/2023 đến nay.

Mặt khác trong quá trình hòa giải mặc dù anh N không đồng ý ly hôn, nhưng khi Tòa án đưa ra xét xử thì anh vắng mặt không lý do, như vậy chứng tỏ anh cũng không quan tâm đến tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T và xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu xin hôn của chị T là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

- Chị Tường và anh Nam có 02 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh năm 2001, Nguyễn Trọng H, sinh năm 2003. Hiện 02 con chung của anh chị đã thành niên và lao động được, nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Tại tờ tự khai đề ngày 03/11/2023 anh N trình bày về tài sản vợ chồng có 01 căn nhà. Còn chị T khai căn nhà của riêng chị có trước khi về sống với anh N. Tuy nhiên anh chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ Luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Phan Thị Phụng T;

- Cho Chị Phan Thị Phụng T được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết (đã thành niên)

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Phan Thị Phụng T chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0013078 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như chị T đã thi hành xong tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo:

- Chị Tường được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Anh Nam được tính từ khi nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Phú, H. Cái Bè, TG;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn